

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----**

Bản án số: 03/2018/HSST

Ngày 11/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nghĩa

2. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án dân
huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 81/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1/ Chu Quang Đ, sinh ngày 30/12/1997.

Nơi cư trú: thôn Cẩm, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Con ông: Chu Quang D và bà Lương Hồng K;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23/01/2015 bị Công an huyện Hiệp Hòa xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bản án số 71/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 năm 09 tháng tù giam về các tội: Cướp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Hủy hoại tài sản.

Bị cáo Đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang theo Bản án số 71/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, được trích xuất – có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Q, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn Đình Dương, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ văn hóa lớp 9/12; Con ông: Trần Quốc Đ và bà Bùi Thị H;

Có vợ là Đào Lê Hương, sinh năm 1981 và có 03 con (con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh 2013);

Tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 23/01/2015 đến ngày 01/02/2015. Hại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Đăng H, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: thôn Dinh Hương, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: thợ sửa chữa xe máy; Trình độ văn hóa lớp 7/12; Con ông Nguyễn Đăng N và bà Nguyễn Thị B; Có vợ là Lê Thị Nhượng, sinh năm 1988 và có 02 con (con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010);

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 23/01/2015 đến ngày 01/02/2015. Hại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản cáo trạng số 83/CT-VKS-HH ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố Chu Quang Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố Trần Q, Nguyễn Đăng H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 27/12/2014, Chu Quang Đ đang ở khu vực bờ hồ Thống nhất thuộc thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa thì gặp anh Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 98D1- 271.19 (có số khung APTOCGPJ4A064552, số máy VPTIP50FMG* 064652*) cùng bạn là anh Nguyễn Văn Hùng. Do quen biết nhau từ trước nhưng lâu ngày mới gặp nên Đ và T nói chuyện và trao đổi số điện thoại với nhau, sau đó Đ mời anh T và anh Hùng vào uống nước tại quán gần cổng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, sau đó anh T và anh Hùng về trước. Khoảng ít phút sau, Đ gọi điện thoại hẹn gặp anh T tại khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa gặp bạn của Đ để hòa giải với nhau (do trước đó anh T và bạn của Đ có xô sát) nên anh T đèo anh Hùng quay lại chỗ Đ hẹn. Khi gặp Đ ở khu vực cầu Chóp, xã Lương Phong thì Đ nhờ anh T chở về nhà. Anh T đồng ý và chở Đ cùng anh Hùng đi về hướng Công ty may Hà Phong thuộc xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa. Khi đến một quán cắt tóc gội đầu ở gần cổng Công ty may Hà Phong thì Đ xuống xe. Lúc này, Đ để ý thấy chiếc xe của anh T còn mới nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô Dream của anh T. Để thực hiện ý định trên, Đ lấy cớ nói với anh T đi cùng Đ có việc và bảo anh Hùng đứng đợi ở đó. Sau đó, Đ bảo anh T đưa chìa khóa xe cho Đ điều khiển còn T ngồi sau xe. Khi đi đến địa phận bờ máng thuộc thôn Sơn Quả 3, xã Lương Phong, Đ bảo anh T xuống xe đợi Đ vào nhà gần đó lấy đồ. Anh T tưởng thật nên đã đồng ý xuống xe đứng đợi; còn Đ điều khiển xe của anh T đi đến khu vực

cánh đồng thuộc xã Việt Tiến, huyện Việt Yên. Đ khai, tại đây đã tháo biển số xe vớt đi sau đó điện thoại cho bạn tên là Mai nhờ bán chiếc xe vừa chiếm đoạt được của anh T. Sau đó, Mai đã giới thiệu và cho Đ số điện thoại của Trần Q để mua xe. Đ đã gọi điện thoại cho Q gạ bán xe và hẹn gặp nhau ở khu vực cổng Ba Mô thuộc thôn Dinh Hương, xã Đ Thắng, huyện Hiệp Hòa. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ đi xe của anh T đến điểm hẹn gặp Q, sau khi xem xe, Q hỏi Đ về nguồn gốc xe, thì Đ bảo là “xe nháy ở Bắc Ninh, không có giấy tờ”. Q hiểu đó là xe do phạm tội mà có nhưng do ham rẻ nên đã mua của Đ giá 5.000.000đồng. Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 28/12/2014, Q đi chiếc xe mà mua của Đ đến nhà Nguyễn Đăng Hở cùng thôn làm nghề sửa chữa xe mô tô và gạ bán lại cho H. H kiểm tra thấy xe còn mới, không có biển kiểm soát, H hỏi Q về nguồn gốc xe thì Q nói với H là “xe không giấy tờ” “xe nháy”. H biết đó là xe do phạm tội mà có nhưng vì ham rẻ nên đã đồng ý mua của Q giá 5.700.000đồng và bảo Q tháo hết các bộ phận của xe, đục, trà số khung và số máy của chiếc xe đi để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Khoảng 15 ngày sau, H dùng máy cắt cắt số khung, tháo vách máy xe mô tô mua của Q ra và thay vào đó số khung, số máy của chiếc xe Sufat (kiểu dáng giống xe Dream) đã cũ mang biển số 98L8 - 2423 của H đã mua trước đó có giấy tờ hợp pháp để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Về phần anh T, sau khi đứng đợi lâu không thấy Đ quay lại và không liên lạc được với Đ nên anh T biết là đã bị Đ chiếm đoạt xe mô tô, ngày 28/12/2014, anh T đã trình báo với Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa. Còn Chu Quang Đ, sau khi chiếm đoạt xe của anh T và bán cho Q được 5.000.000đồng, Đ đã ăn tiêu hết. Đến ngày 15/01/2015, Đ bị tạm giữ để điều tra về hành vi “Cướp tài sản”, quá trình điều tra, Đ khai nhận có hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của anh T và bán cho Trần Q như đã nêu trên. Căn cứ lời khai của Chu Quang Đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh đối với Trần Q và Nguyễn Đăng H. Tại Cơ quan điều tra, Q và H đã đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Khám xét nhà H, Cơ quan điều tra thu giữ một số đồ vật có liên quan, trong đó có chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu, gắn BKS: 98L8- 2423 kèm theo 01 chìa khóa xe nhãn hiệu Honda, có số hiệu B16, H khai mua của Q.

Ngày 28/01/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã tiến hành định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô Đ chiếm đoạt của anh T ngày 27/12/2014. Ngày 29/01/2015, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, có số khung APTOCGPJ4A064552, số máy VPTIP50FMG *064652* do Việt Nam sản xuất giá trị 24.000.000đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự tỉnh Bắc Giang và Viện khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát để xác định số khung, số máy nguyên thủy của chiếc xe mô tô mà Đ đã chiếm đoạt của anh T thu giữ trong quá trình khám xét nhà H nêu trên. Tại các kết luận giám định số 149/KL-PC54 ngày 03/02/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang; Kết luận giám định số 983/C54(P3) ngày 11/4/2015 và kết luận giám định số 1008/C54-P2 ngày 27/4/2015 đều của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát; Các kết luận giám định đều không xác định được số khung, số máy nguyên thủy của chiếc xe này.

Ngày 22/01/2015, anh Nguyễn Đình T giao nộp cho cơ quan điều tra một chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda, kí hiệu B16, anh T khai đó là chiếc chìa khóa dự phòng của xe mô tô Dream, biển kiểm soát 98D1- 271.19 bị Đ chiếm đoạt. Ngoài ra, anh T khai chiếc xe này còn có một số đặc điểm riêng biệt như: chắn bùn phía trước đầu xe bị xước và dán băng dính màu đen, để chân phía trước bên trái bị xước, nứt vỡ phần nhựa; phía dưới hộp xích có vết lõm, phía trước yên có xước, đứt nhựa; để chân phía trước bên phải bị cong do quá trình sử dụng xe bị ngã, xe bị đổ tạo nên. Ngày 29/8/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra các đặc điểm của xe và đối chiếu, so sánh chiếc chìa khóa mà anh T giao nộp với chiếc chìa khóa kèm theo xe mô tô thu giữ khi khám xét tại nhà Nguyễn Đăng H(xe mô tô Hmua của Q). Kết quả kiểm tra các đặc điểm của xe phù hợp với lời khai của anh T, đối chiếu hai chiếc chìa khóa xe cho kết quả trùng khớp, cả hai chìa khóa đều mở được ổ khóa của xe.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh đối với xe mô tô có BKS: 98L8-2423, kết quả xác minh xác định người đăng ký xe mô tô này là ông Nguyễn Văn Thành- sinh năm 1969 ở thôn Đại Đồng 1, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa; ông Thành xác định năm 2005 có mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Sunfat, đăng ký BKS: 98L8-2423. Đến năm 2009, ông Thành đã bán chiếc xe này cho ai, ở đâu nay không nhớ. Qua tra cứu xác định xe mô tô BKS: 98L8-2423 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho Chu Quang Đ và Trần Q nhận dạng qua ảnh đối với nhau. Kết quả nhận dạng Đ và Q đều xác định đúng là người đã mua bán xe mô tô với mình ngày 27/12/2014.

Đối với đối tượng nữ giới tên là Mai (Đ và Q khai là người đã giới thiệu Đ bán chiếc xe cho Q), quá trình điều tra, Chu Quang Đ và Trần Q khai nhận chỉ quen biết Mai không rõ lai lịch, tên tuổi địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh để xử lý.

Về vật chứng: Khám xét nhà Nguyễn Đăng H, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, lắp biển kiểm soát 98L8 - 2423, số khung: 064652, số máy: 064652 (kèm theo chìa khóa xe) là xe Đ chiếm đoạt của anh T sau đó bán cho Q và Q bán cho H; 01 (một) xe mô tô, màu nâu, nhãn hiệu Sufat, không có biển kiểm soát, Hkhai là xe mô tô trong quá trình sửa xe cho khách, Hmua để sử dụng và đã cắt khó khung, tháo vách máy lắp sang xe mua lại của Q; 01 (một) khung xe mô tô, màu sơn nâu, tại phần cổ khung xe vị trí dây số khung bị cắt kích thước 0,9 x 2,4 cm; 01 (một) giấy đăng kí xe mô tô số 0153781 của xe 98L8 - 2423; 01 (một) mảnh kim loại kích thước 10 x 0,2 cm; 01 (một) máy cắt, bên ngoài sơn màu xanh, ghi nhãn hiệu Thakita; 01 (một) cà lê kim loại hai đầu ghi chữ số 13; 01 (một) chông kim loại một đầu ghi số 17, một đầu ghi số 14; 01 (một) đục kim loại có chiều dài 22 cm; 01 (một) tô vít kim loại có chiều dài 30 cm; 01 (một) thanh kim loại hình chữ T, chiều dài 31,5 x 20 cm là dụng cụ Q và H sử dụng để tháo, đục, cắt, lắp số khung, số máy xe mô tô Q bán cho H ngày 28/12/2014. Tất cả số đồ vật, tài sản này H nay Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

Đối với chiếc điện thoại của Đ và Q dùng để liên lạc với nhau khi mua bán xe, cả hai khai đã bị mất không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đình T yêu cầu Chu Quang Đ bồi thường cho anh giá trị chiếc xe đã bị chiếm đoạt theo kết quả định giá là 24.000.000 đồng và không chấp nhận việc nhận lại xe đã bị Đ chiếm đoạt. Đến nay, Đ chưa bồi thường cho anh T.

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Chu Quang Đ, Trần Q và Nguyễn Đăng Hthừa nhận toàn bộ nội dung và diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà đã truy tố, đồng thời đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hiệp Hoà trước phiên toà hôm nay vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi đánh giá nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Chu Quang Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Trần Q, Nguyễn Đăng H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69, 74, Điều 33 và Điều 51 – Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 năm 09 tháng tù của Bản án số 71/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 07 năm 09 tháng tù đến 08 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 33 – Bộ luật hình sự 1999, xử phạt: Trần Q và Nguyễn Đăng H mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù giam.

- Về trách nhiệm dân sự, đề nghị:

+ Buộc bị cáo Chu Quang Đ phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình T trị giá chiếc xe bị chiếm đoạt là 24.000.000đ.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 khung xe mô tô màu sơn nâu; 01 mảnh kim loại kích thước 10 x 0,2 cm; 01 máy cắt; 01 cà lê; 01 tròn kim loại; 01 chiếc đục bằng kim loại; 01 chiếc tô vít; 01 thanh kim loại hình chữ T.

+ Tịch thu sung công quỹ chiếc xe mô tô Sunfat thu được của bị cáo H

+ Trả cho bị cáo Đ chiếc xe mô tô Dream của anh T đã bị đục số máy số khung, kèm theo 02 chiếc chìa khóa (là xe Đ chiếm đoạt của anh T).

+ Truy thu của bị cáo Trần Q số tiền 700.000đ.

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự. Riêng bị cáo Đ phải chịu thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại không có ý kiến đối đáp, tranh luận. Các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng

khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là thành khẩn, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể H trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có tiền ăn tiêu nên ngày 27/12/2014, Chu Quang Đ đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Nguyễn Đình T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 98D1-271.19, trị giá 24.000.000đồng. Sau khi chiếm đoạt xe của anh T, Đ đã bán chiếc xe mô tô này cho Trần Q được 5.000.000đồng. Sau đó Q bán lại cho Nguyễn Đăng H được 5.700.000đồng. Khi mua chiếc xe này, Q và H đều biết rõ nguồn gốc xe là do phạm tội mà có.

Như vậy, việc bị cáo Đ nảy sinh ý thức chiếm đoạt trước, sau đó có hành vi gian dối để mượn tài sản rồi đem bán lấy tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân thì hành vi phạm tội của bị cáo Đ đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 – Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với Trần Q và Nguyễn Đăng H, khi mua tài sản là chiếc xe này đều biết rõ là tài sản do người khác phạm tội có được, đây là tài sản có giá trị nên hành vi của 2 bị cáo này cũng có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 250 – Bộ luật hình sự năm 1999. Bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đảm bảo có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Đối với hành vi của hai bị cáo Trần Q và Nguyễn Đăng H không những xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng mà còn gián tiếp giúp sức, tạo thuận lợi cho tội phạm chiếm đoạt tài sản gia tăng. Vì vậy, đối với các bị cáo, cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tội lỗi các bị cáo gây ra, có như vậy mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân các bị cáo: Bị cáo Đ mặc dù không có tiền án tiền sự, mặc dù bị cáo đang chấp hành hình phạt 06 năm 09 tháng tù giam theo bản án số 71/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt về các tội: Cướp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Hủy hoại tài sản nhưng các hành vi phạm tội đó xảy ra sau hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T và thời điểm đó bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Tuy nhiên cần xác định bị cáo Đ có nhân thân xấu, cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đồng thời tổng hợp với hình phạt 06 năm 09 tháng tù của Bản án số 71/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị cáo: Trần Q và Nguyễn Đăng H, cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Q có bố

để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 – Bộ luật hình sự (1999). Xét thấy hai bị cáo này đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, việc không phạt tù giam đối với hai bị cáo cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vì vậy, cần áp dụng Điều 60 – Bộ luật hình sự (1999), cho hai bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Về Trách nhiệm dân sự: Mặc dù tài sản là chiếc xe mô tô do bị cáo Đ chiếm đoạt của anh Nguyễn Đình T đã được thu hồi, tuy nhiên, chiếc xe này đã bị đục lại số khung số máy không còn giá trị lưu hành nên việc anh T yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường giá trị chiếc xe là 24.000.000đ là có căn cứ. Cần buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho anh T số tiền 24.000.000đ.

- **Về Vật chứng:** Đối với chiếc xe mô tô và 2 chiếc chìa khóa xe là tài sản bị chiếm đoạt, Đã bị đục hỏng không giám định được số khung, số máy nên không còn giá trị lưu hành. Tuy nhiên, do bị cáo Đ phải bồi thường toàn bộ giá trị chiếc xe cho anh T nên cần giao trả cho bị cáo Đ tài sản này nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 khung xe mô tô màu sơn nâu; 01 mảnh kim loại kích thước 10 x 0,2 cm; 01 máy cắt; 01 cà lê; 01 tròng kim loại; 01 chiếc đục bằng kim loại; 01 chiếc tô vít; 01 thanh kim loại hình chữ T là các phương tiện, công cụ liên quan đến việc phạm tội của bị cáo H nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô Sunfat, đăng ký xe 98L8-2423 và chiếc Biển kiểm soát 98L8-2423 (gắn trên chiếc xe Honda Dream) là tài sản của bị cáo H. Tuy nhiên, bị cáo H xác định chiếc xe đã cũ nát, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu trả lại nên cũng cần được tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 700.000đ là tiền chênh lệch mà bị cáo Q có được sau khi mua xe của Đ và bán lại cho H, đây là tiền thu lời bất chính nên cần truy thu của bị cáo Q để sung vào công quỹ Nhà nước.

- **Về án phí:** Các bị cáo Đ, Q, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra bị cáo Đ còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Chu Quang Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Trần Q và bị cáo Nguyễn Đăng H phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69, Điều 74 và Điều 51 – Bộ luật hình sự (năm 1999),

Xử phạt: Bị cáo Chu Quang Đ 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 năm 09 tháng tù của Bản án số 71/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 60 – Bộ luật hình sự (năm 1999), :

Xử phạt: Bị cáo Trần Q 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày 11/01/2019.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng H 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày 11/01/2019.

Giao các bị cáo Trần Q, Nguyễn Đăng H cho Ủy ban nhân dân xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42-Bộ luật hình sự (1999); Điều 589 – Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Chu Quang Đ phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình T số tiền 24.000.000đ.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 41 – Bộ luật hình sự 1999; Điều 106 – Bộ luật tố tụng hình sự (2015):

- Trả cho bị cáo Chu Quang Đ chiếc xe mô tô Honda Dream (đã bị đục hỏng số máy số khung) và 2 chiếc chìa khóa xe (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 khung xe mô tô màu sơn nâu; 01 mảnh kim loại kích thước 10 x 0,2 cm; 01 máy cắt; 01 cà lê; 01 tròng kim loại; 01 chiếc đục bằng kim loại; 01 chiếc tô vít; 01 thanh kim loại hình chữ T; 01 chiếc xe mô tô Sunfat, đăng ký xe 98L8-2423 và chiếc Biển kiểm soát 98L8-2423 (gắn trên chiếc xe Honda Dream).

- Truy thu của bị cáo Trần Q số tiền 700.000đ.

*** Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 – Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Q và bị cáo Nguyễn Đăng H mỗi người phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Chu Quang Đ phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và có Quyết định thi hành án, người phải thi hành án dân sự phải chịu lãi suất 10%/năm về khoản tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực Htheo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự (2015), báo cho bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà